CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Xuất nhập khẩu Thuỷ sản Cửu Long An Giang

Ngày 31/03/2024	13,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.3%	**8.8%**	**-4.4%**

DT thuần *Q1/24*
316 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼98.0| -23.7%
YoY: ▲ 176| 126%

LN thuần *Q1/24*
2.61 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 0.57| 28.1%
YoY: ▲ 0.56| 27.5%

LN sau thuế *Q1/24*
2.27 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 0.96| 73.6%
YoY: ▲ 0.37| 19.7%

Tỷ suất lãi EBIT *Q1/24*
3.2%
YoY: +/-▼ 0.0%

ROE (TTM) *Q1/24*
1.5%
YoY: +/-▲ 0.0%

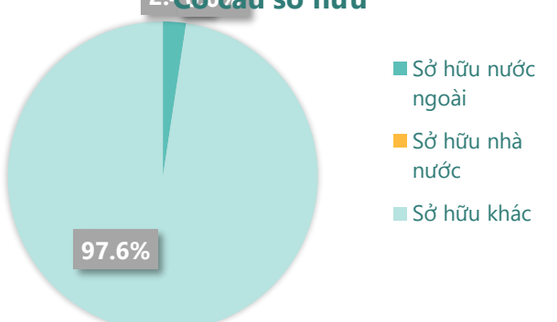
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	11,350 - 15,550
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	652
Số lượng CPLH (CP)	50,159,019
KLGD BQ 20 phiên (CP)	35,690
Sở hữu nước ngoài	2.4%
Beta	0.58
EPS	249
P/E	52.1

DT thuần *2023*
1,117 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼50.0| -4.3%

LN thuần *2023*
17.7 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼119| -87.1%

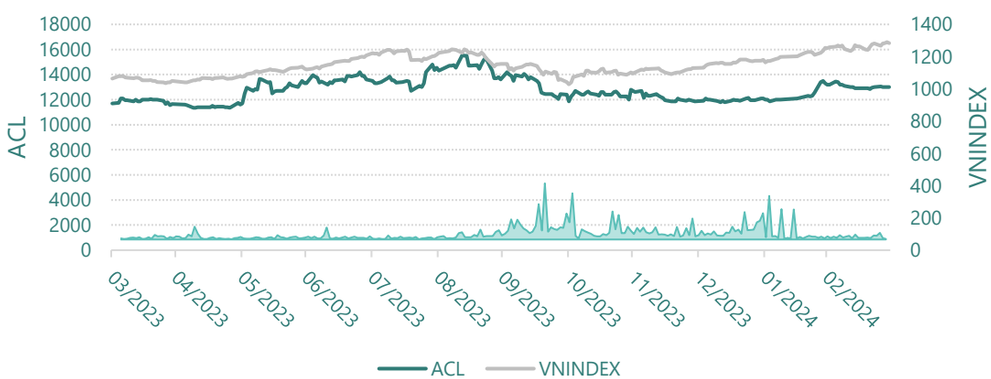
LN sau thuế *2023*
9.85 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼108| -91.6%

Cơ cấu sở hữu

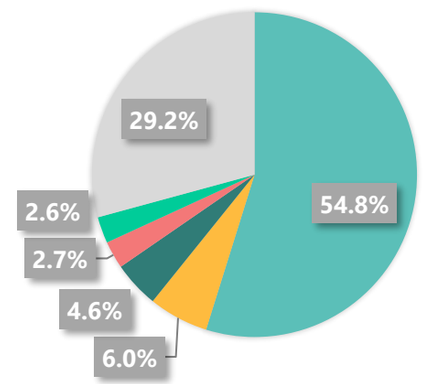


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

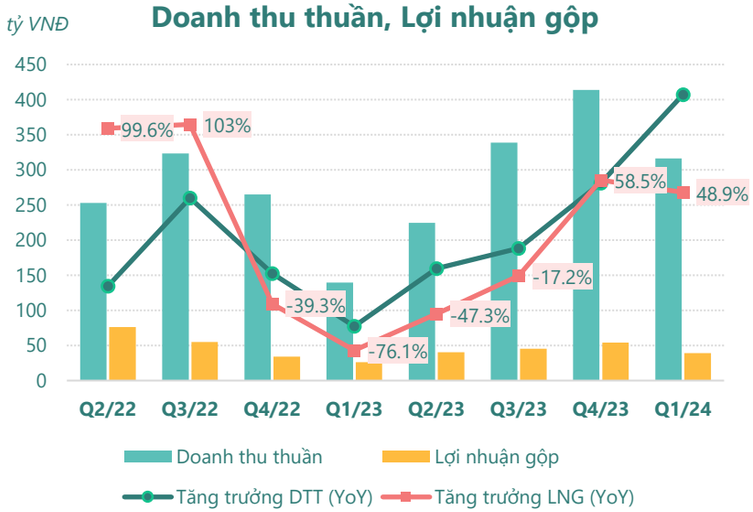


- Trần Thị Vân Loan (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thương Nhật Vi (Thành viên HĐQT)
- Trần Thị Thu Vân
- Trần Tuấn Khanh (Phó Tổng giám đốc)
- Trần Tuấn Nam
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

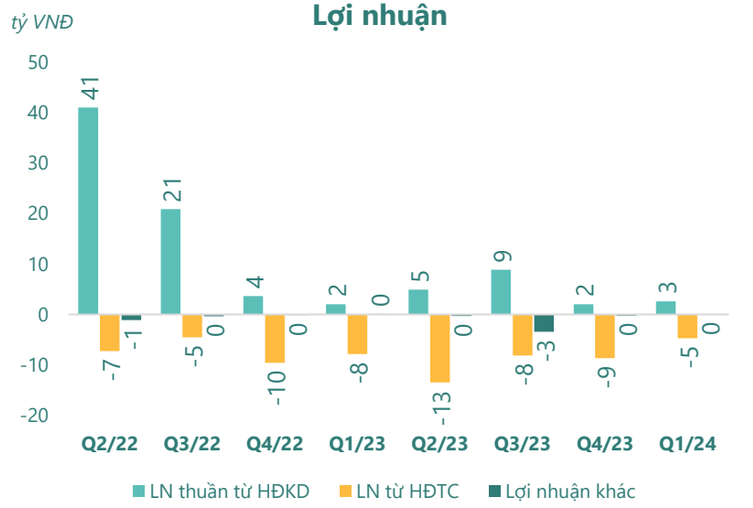
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



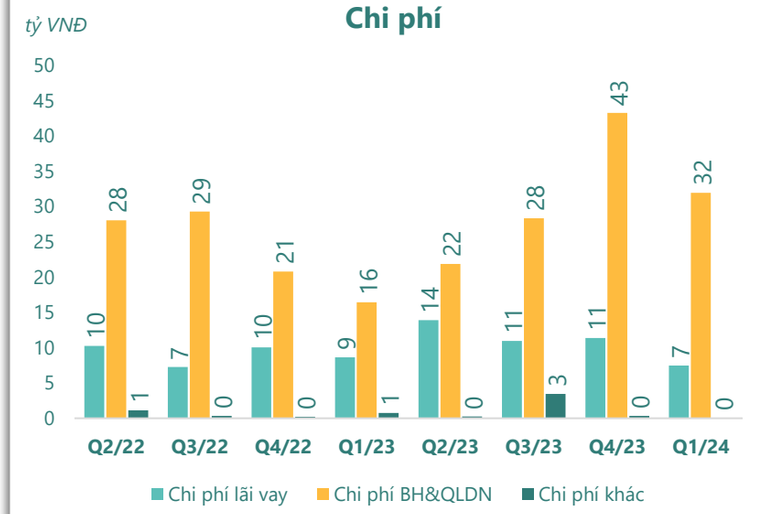
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



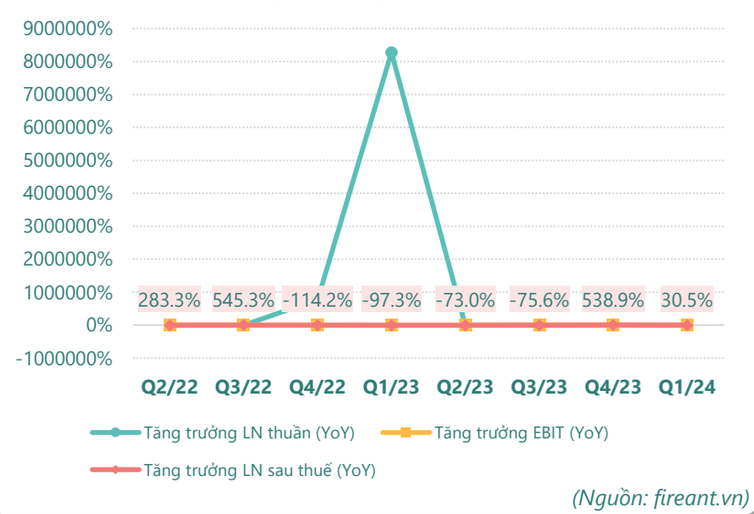
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



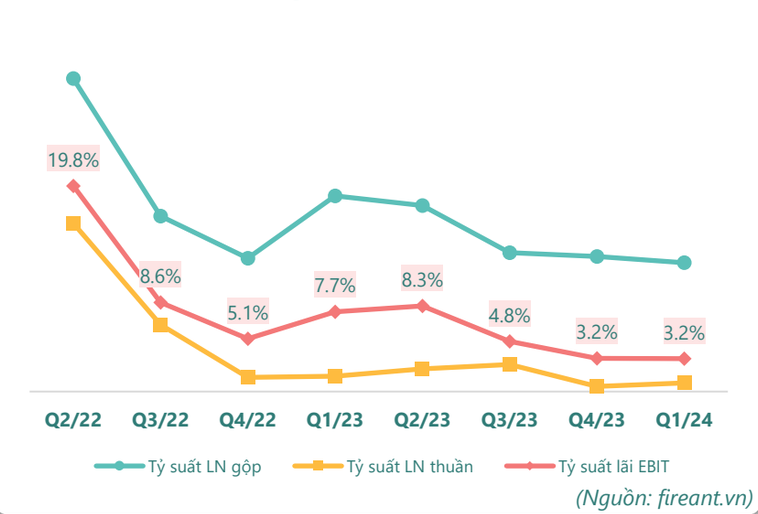
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



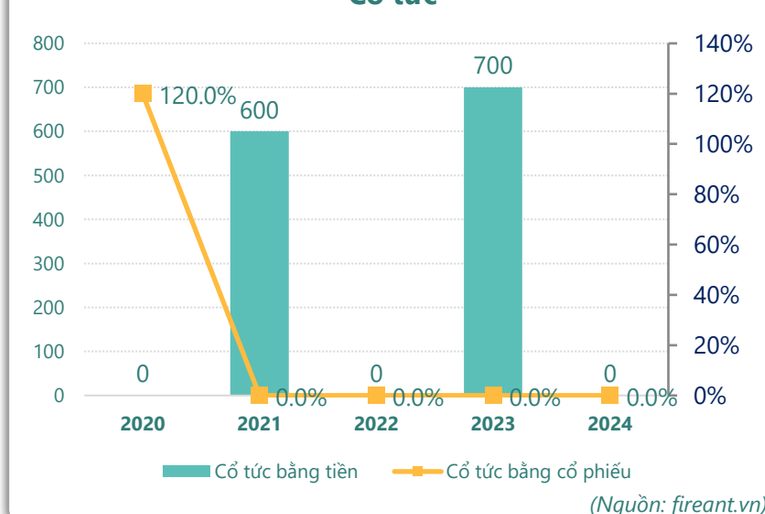
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

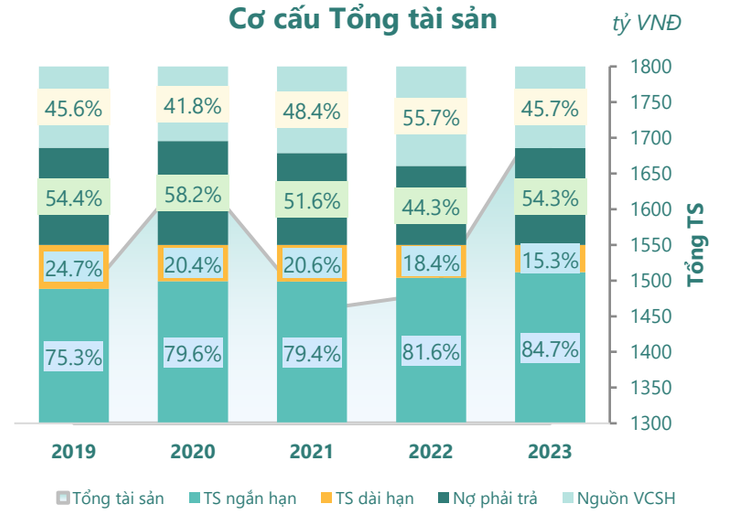
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

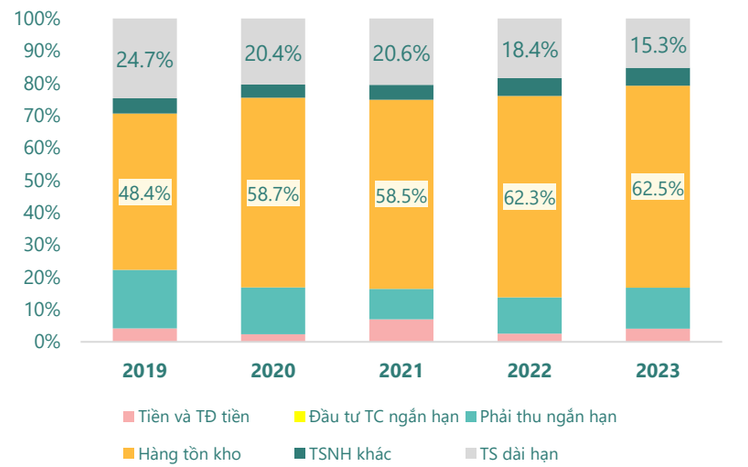
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



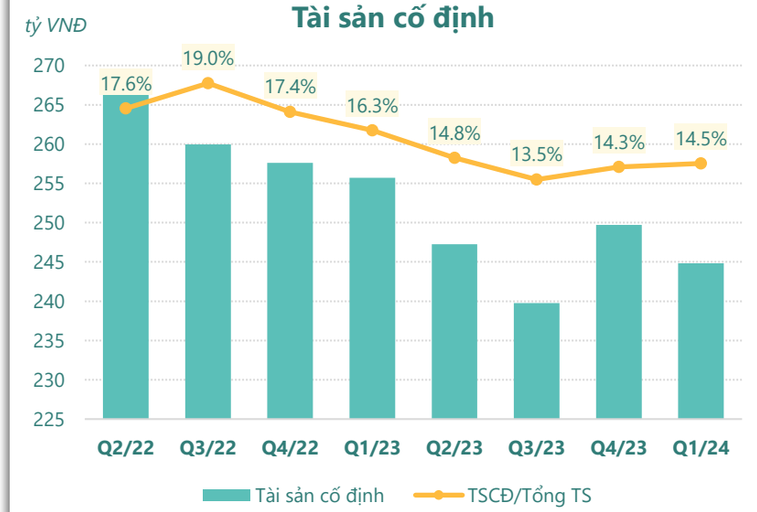
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



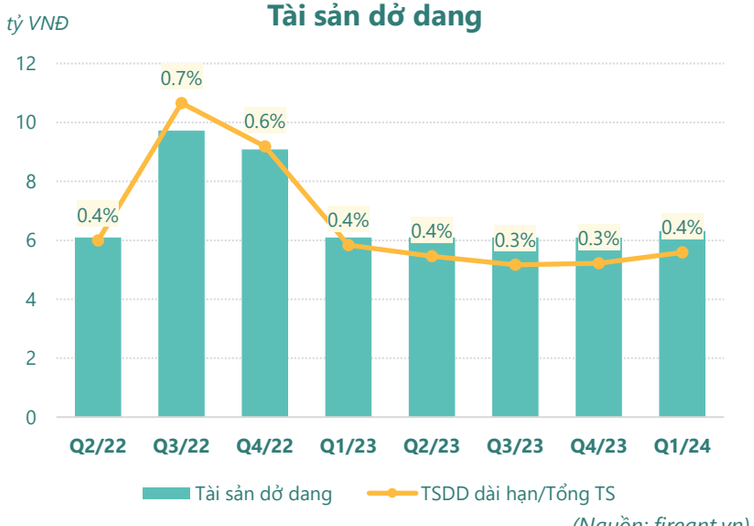
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



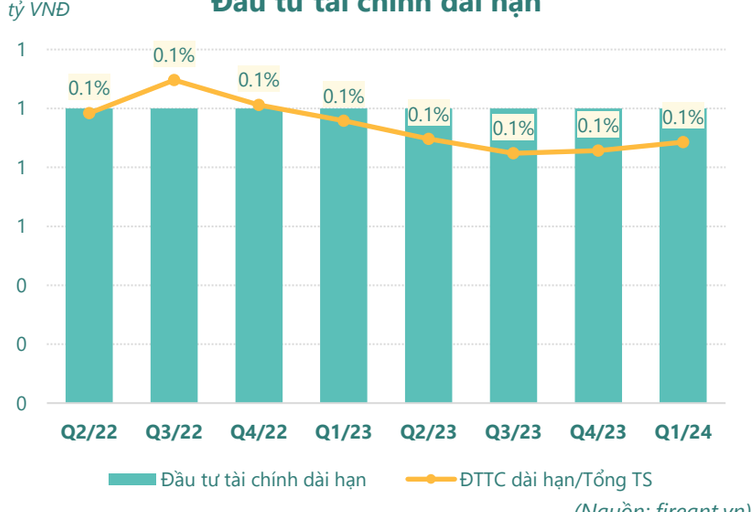
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



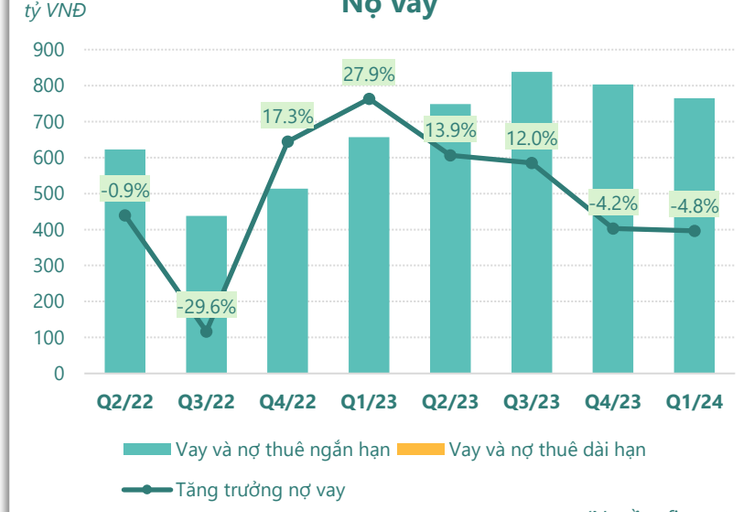
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

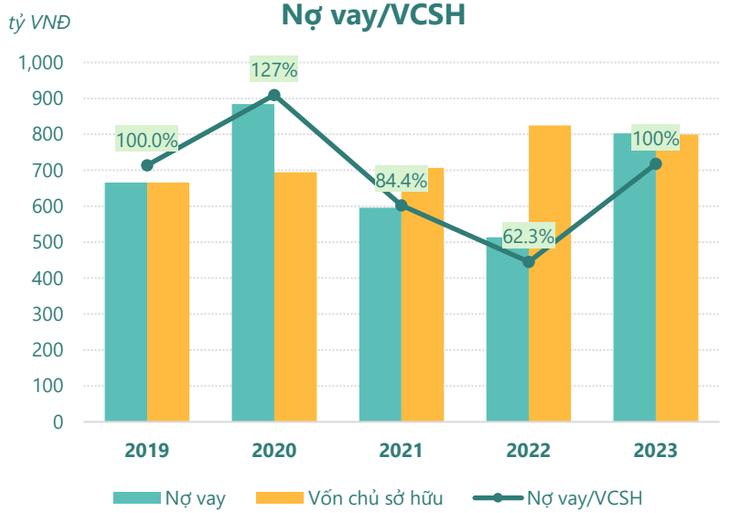
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

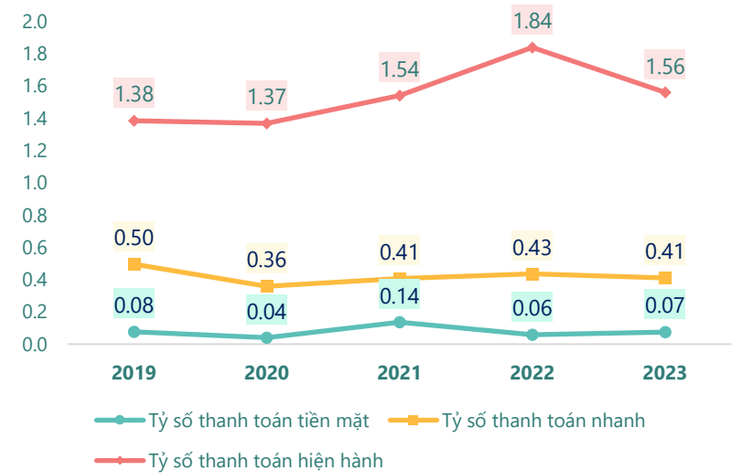
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



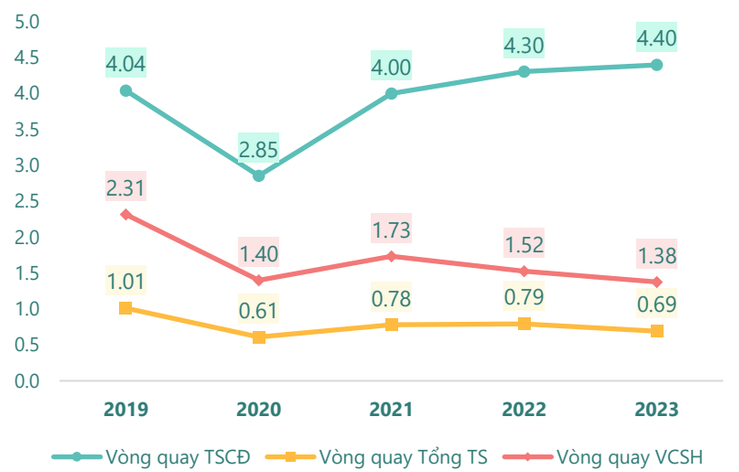
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



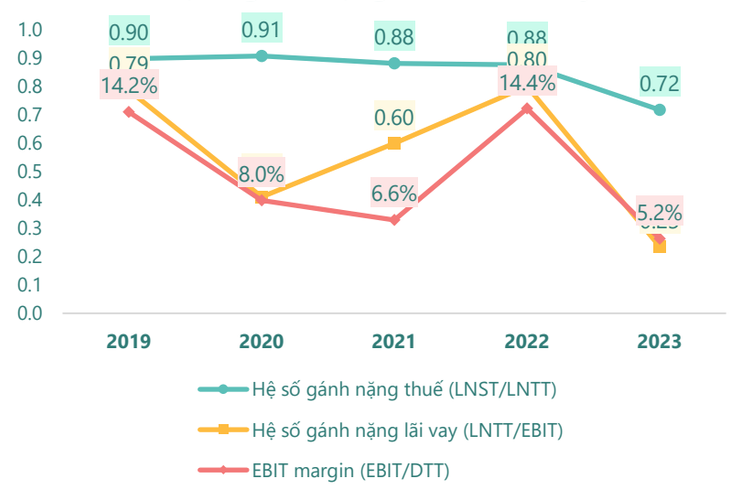
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



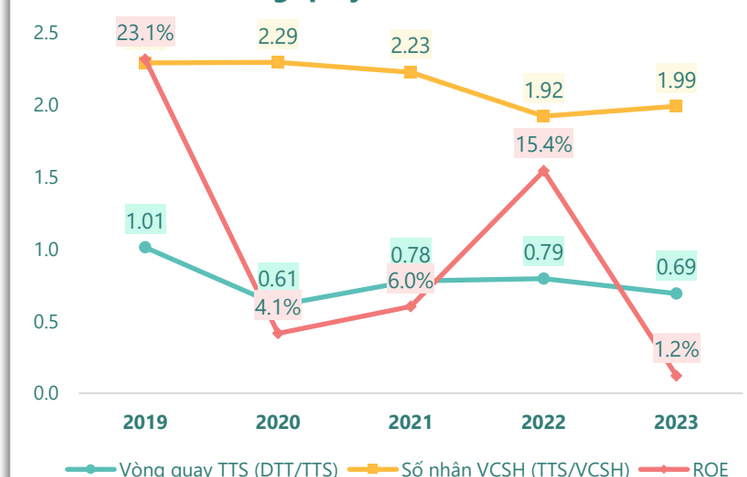
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



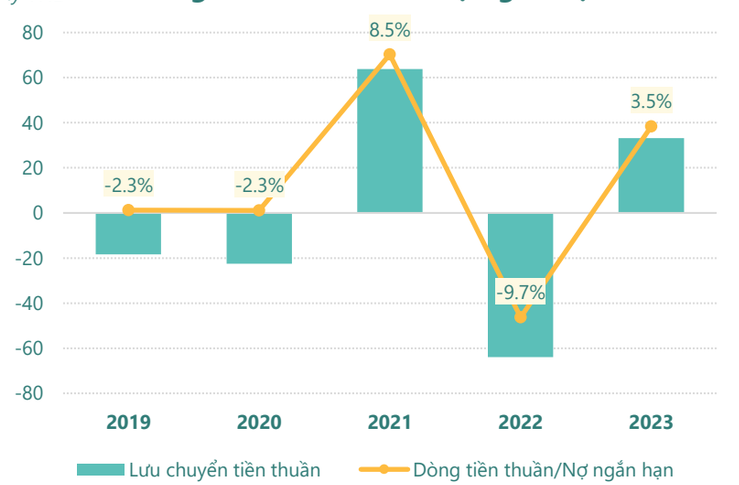
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**316**	**140**	**126%**	**1,117**	**1,167**	**-4.3%**
Giá vốn hàng bán	277	113	145%	951	892	6.6%
Lợi nhuận gộp	39.3	26.4	48.7%	166	275	-39.8%
Doanh thu HĐTC	2.96	1.35	119%	8.38	11.1	-24.4%
Chi phí TC	7.66	9.21	-16.9%	46.5	37.3	24.8%
Chi phí lãi vay	7.46	8.63	-13.6%	44.9	33.7	33.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	21.0	9.83	114%	67.0	68.5	-2.2%
Chi phí QLDN	**10.9**	**6.63**	**65.0%**	**43.0**	**43.9**	**-2.0%**
LN thuần từ HĐKD	2.61	2.05	27.5%	17.7	137	-87.1%
Lợi nhuận khác	**-0.04**	**0.08**	**-155%**	**-3.91**	**-1.98**	**-97.8%**
LN trước thuế	2.57	2.14	20.1%	13.7	135	-89.8%
Lợi nhuận sau thuế	**2.27**	**1.90**	**19.7%**	**9.85**	**118**	**-91.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.27**	**1.90**	**19.7%**	**9.85**	**118**	**-91.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-96.1	-139	-66.4	-39.6	48.5	19.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.59	-6.16	-1.99	-0.67	-14.6	-2.46
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	75.8	143	73.8	72.1	-35.8	-38.4
Tiền đầu kỳ	65.1	38.1	35.9	41.3	73.2	71.1
Lưu chuyển tiền thuần	**-26.9**	**-2.15**	**5.39**	**31.9**	**-1.96**	**-21.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.13	0	0.02	-0.02	-0.12	0
Tiền cuối kỳ	38.1	35.9	41.3	73.2	71.1	50.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,694**	**1,749**	**-3.1%**
Tài sản ngắn hạn	1,433	1,482	-3.3%
Tiền và tương đương tiền	50.0	71.1	-29.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	194	221	-12.4%
Hàng tồn kho	1,091	1,093	-0.2%
Tài sản ngắn hạn khác	98.5	96.9	1.7%
Tài sản dài hạn	**261**	**267**	**-2.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	245	250	-2.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.31	6.10	3.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.00	1.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**8.73**	**9.48**	**-7.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	893	950	-6.0%
Nợ ngắn hạn	**893**	**950**	**-6.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	765	803	-4.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	79.1	93.8	-15.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**801**	**799**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**801**	**799**	**0.3%**
Vốn điều lệ	502	502	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)